

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2015

Kính gửi:.....

Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2015 như sau:

1. Thời gian thi; Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Ngày thi đợt 1: Thứ Bảy, ngày 11 tháng 4 và Chủ Nhật, ngày 12 tháng 4 năm 2015.
- Ngày thi đợt 2: Thứ Bảy, ngày 19 tháng 9 và Chủ Nhật, ngày 20 tháng 9 năm 2015.
- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung 2 năm. Riêng các ngành đào tạo tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp đào tạo tập trung 1,5 năm.

2. Môn thi tuyển; Chuyên ngành đào tạo; Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

2.1. Các môn thi Cơ bản và Chủ chốt theo chuyên ngành đào tạo (Bảng 1)

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu	Trường ĐH đào tạo chuyên ngành
		Cơ bản	Chủ chốt		
1	Toán Giải tích	Toán giải tích	Đại số và lí thuyết số	38	- Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường ĐH Sư phạm;ĐT. 0280 3855785 Tổng chỉ tiêu: 410
2	Đại số và lí thuyết số			22	
3	LL&PPDH Bộ môn Toán		LL&PPDH bộ môn Toán	25	
4	Hóa vô cơ	Toán cao cấp II	Hóa học cơ sở	20	
5	Hóa phân tích			12	
6	Hóa hữu cơ			12	
7	Di truyền học	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	15	
8	Sinh học thực nghiệm			15	
9	Sinh thái học			15	
10	LL&PPDH Bộ môn Sinh học			15	
11	LL&PPDH Bộ môn Văn-T. Việt	Văn học	LL&PPDH BM Văn-T. Việt	10	
12	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	52	
13	Ngôn ngữ Việt Nam		Ngôn ngữ đại cương	16	
14	Lịch sử Việt Nam		Lịch sử Việt Nam	25	
15	Địa lý học		Địa lý cơ sở	12	
16	Địa lý tự nhiên			16	
17	LL&PPDH Bộ môn Địa lý			10	
18	Quản lý giáo dục		Giáo dục học đại cương	55	
19	Giáo dục học		Tâm lí học cơ sở	10	
20	LL&PPDH Bộ môn LL Chính trị		Chủ nghĩa XH khoa học	15	
21	Chăn nuôi	Toán CC thống kê	Sinh lý động vật	65	- Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường ĐH Nông Lâm;ĐT. 0280 3852925 Tổng chỉ tiêu: 410
22	Thú y		Sinh lý thực vật	40	
23	Khoa học cây trồng			90	
24	Lâm học		Nguyên lí lâm sinh	50	
25	Quản lý đất đai		Trắc địa	73	
26	Khoa học môi trường		Cơ sở KH môi trường	52	
27	Phát triển nông thôn		Ng.lý phát triển nông thôn	40	

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu	Trường ĐH đào tạo chuyên ngành	
		Cơ bản	Chủ chốt			
28	Kỹ thuật cơ khí	Toán cao cấp I	Sức bền vật liệu	45	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp ĐT. 0280 3847155 Tổng chi tiêu: 180	
29	Cơ kỹ thuật		Cơ học lý thuyết	20		
30	Kỹ thuật điện tử		Xử lý tín hiệu số	35		
31	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Lý thuyết điều khiển và TĐH	45		
32	Kỹ thuật điện		Cơ sở kĩ thuật điện	35		
33	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp	25	- Liên hệ, nộp HS ôn tập tại Trường ĐH Kinh tế và QTKD. ĐT. 0280 3547653. Tổng CT: 135	
34	Quản lý kinh tế		Quản trị học			60
35	Quản trị kinh doanh					50
36	Y học dự phòng	Toán CC thống kê	Vi sinh	150	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Y Dược; ĐT. 0280 3858198 Tổng CT: 150	
37	Nội khoa		Sinh lý học			
38	Nhi khoa		Giải phẫu học			
39	Ngoại khoa					
40	Phương pháp toán sơ cấp	Cơ sở LT hàm số	Đại số và lí thuyết số	45	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Khoa học; ĐT. 0280 3903398. Tổng CT: 170	
41	Toán ứng dụng			45		
42	Công nghệ sinh học	Toán CC thống kê	Sinh học phân tử	20		
43	Hóa phân tích	Toán cao cấp II	Hóa học cơ sở	30		
44	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	30		
45	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán cho điều khiển	Lý thuyết điều khiển và TĐH	30	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐHCN thông tin và Truyền thông; ĐT. 0280 6255052. Tổng chi tiêu: 155	
46	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	125		

Tổng chi tiêu dự kiến: 1610 chỉ tiêu

2.2. Môn Tiếng Anh

- Thi viết, nội dung tương đương cấp độ B.
- Người thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:
 - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng;
 - Có bằng tốt nghiệp ĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường ĐH của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
 - Có bằng tốt nghiệp ĐH ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức;
 - Có chứng chỉ Tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (xem Phụ lục II, Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

Là công dân nước CHXHCN Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành đúng, ngành phù hợp.
 - Nếu TNDH ngành đúng/ ngành phù hợp hệ vừa làm vừa học (VLVH), dự tuyển các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH Sư phạm cần có thêm một bằng tốt nghiệp cao đẳng/ THCN hệ chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp.
 - Người có bằng TNDH loại hình không chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp được phép đăng ký dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH CNTT và Truyền thông, Trường ĐH Kinh tế và QTKD, Trường ĐH Khoa học, Trường ĐH Nông Lâm, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp.

- b) Nếu TNĐH ngành gần thì cần học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.
- c) Nếu TNĐH một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học chương trình bổ sung kiến thức (những ngành TNĐH cụ thể thuộc ngành khác do thủ trưởng CSGDĐHTV đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét quyết định).
- d) Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và KCĐCLGD công nhận.

3.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- a) Các đối tượng được đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngay sau khi TNĐH ghi ở trong bảng dưới đây:

TT	Trường Đại học đào tạo chuyên ngành	Điều kiện được dự thi ngay sau khi TNĐH	
		Ngành; Loại hình đào tạo	Kết quả - Xếp loại
1	Trường ĐH Sư phạm	Ngành đúng/phù hợp; Chính quy (CQ)	$\geq 6,5$ (niên chế)/ $\geq 2,2$ (tín chỉ)
2	Trường ĐH Khoa học	Ngành đúng/phù hợp; Chính quy	$\geq 6,5$ (niên chế)/ $\geq 2,2$ (tín chỉ)
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng thứ hai	Trung bình khá ($\geq 6,5$)
3	Trường ĐH CNTT và TT	Ngành đúng/ phù hợp; CQ; VLVH; bằng hai	Tốt nghiệp đại học
4	Trường ĐH Kinh tế và QTKD	Ngành đúng/phù hợp; CQ.	$\geq 6,5$ (niên chế)/ $\geq 2,2$ (tín chỉ)
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Khá
5	Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp	Ngành đúng/phù hợp/ngành gần; CQ	Mọi trường hợp
		Ngành đúng/phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
6	Trường ĐH Nông Lâm	Ngành đúng/ phù hợp.	$\geq 6,5$ (niên chế)/ $\geq 2,2$ (tín chỉ)
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
7	Trường ĐH Y Dược	Ngành đúng/ phù hợp	$\geq$ Khá

- b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận TNĐH đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3.3. Điều kiện đăng ký và dự tuyển chuyên ngành Quản lý giáo dục

- a) Về văn bằng: có bằng TNĐH hệ chính quy hay chuyên tu. Nếu TNĐH hệ VLVH/ liên thông thì phải có thêm bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc THCN hệ chính quy kèm theo. Trừ người TNĐH ngành đúng, các đối tượng khác phải học chương trình bổ sung kiến thức của ngành trước khi dự thi (nội dung, khối lượng học bổ sung do Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm quy định).

- b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự tuyển: Đối tượng được dự thi ngay sau khi TNĐH quy định bảng trên.

Người TNĐH ngành gần phải có ít nhất 01 năm và nếu TNĐH ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục, tính từ ngày quyết định phân công công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

Đối tượng dự tuyển: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp; trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của sở/ phòng GD&ĐT, phòng/ban đào tạo, giáo vụ, quản lý học sinh – sinh viên hoặc một số phòng/ban liên quan khác của các trường ĐH, cao đẳng, THCN và dạy nghề; cán bộ Đoàn từ ủy viên BCH Chi đoàn, cán bộ Đảng từ ủy viên ban Chi ủy, cán bộ Công đoàn từ ủy viên BCH công đoàn bộ phận trở lên của các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp, các cơ sở đào tạo và dạy nghề; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội.

3.4. Điều kiện đăng ký và dự tuyển các chuyên ngành Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh

- a) Về văn bằng: Có bằng TNĐH ngành đúng/ phù hợp, hoặc bằng TNĐH thuộc nhóm ngành kinh tế, quản trị, quản lý, hoặc bằng TNĐH ngành khác, đã học xong các học phần bổ sung kiến thức của ngành trước khi dự thi (nội dung, khối lượng học bổ sung do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD quy định).

- b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi: Đối tượng được dự tuyển ngay sau khi TNĐH nêu ở bảng trên.

Trường hợp có bằng TNĐH ngành gần phải có ít nhất 01 năm và có bằng TNĐH ngành khác thì phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh tính từ ngày ký hợp đồng làm việc đến ngày nộp hồ sơ dự thi. Những người đăng ký dự tuyển phải đang làm việc trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, thuộc một trong các vị trí: lãnh đạo, chuyên viên hoặc các chức danh tương đương của các phòng/ sở/ ban/ ngành, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội.

3.5. Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận.

6. Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, thủ trưởng CSGDĐHTV tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

7. Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của CQ có thẩm quyền); ii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; iii) Con liệt sĩ; iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hoá học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

4.2. Mức ưu tiên

Thí sinh diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang 100) vào kết quả thi môn tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 01/10 điểm vào kết quả thi môn Cơ bản.

5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người có nguyện vọng dự tuyển liên hệ với trường ĐH đào tạo chuyên ngành (ghi ở Bảng 1) để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Kê khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ, nộp đúng thời hạn; Tham gia lớp học bổ sung kiến thức (nếu thuộc diện phải học). Trong và sau kì thi tuyển, ĐH Thái Nguyên không nhận bổ sung, thay đổi về bất kì nội dung nào của Hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Tuyển sinh đợt 1, nhận hồ sơ từ ngày 25/12/2014 đến hết ngày 11/03/2015.

- Tuyển sinh đợt 2, nhận hồ sơ từ ngày 20/05/2015 đến hết ngày 20/8/2015.

- Lệ phí đăng ký và lệ phí thi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

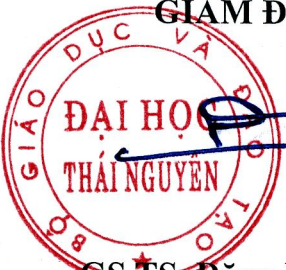
6. Học phí

Học viên thạc sĩ phải nộp học phí theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin tuyển sinh có trên các website: <http://www.tnu.edu.vn> và <http://sdh.tnu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các CSGDĐHTV;
- Website SDH, ĐHTN;
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

GS.TS. Đặng Kim Vui